

ỨNG DỤNG QUY HOẠCH KHÔNG GIAN BIỂN VÀO PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM DU LỊCH BIỂN ĐẢO Ở KIÊN GIANG

PHẠM VĂN QUANG*

TÓM TẮT

Kiên Giang có nguồn tài nguyên biển phong phú, đa dạng, rất giàu tiềm năng phát triển du lịch biển đảo. Những năm qua, Kiên Giang đã ứng dụng quy hoạch không gian biển (QHKGB) vào phát triển sản phẩm du lịch (SPDL) biển đảo và đạt được một số thành tựu đáng kể mặc dù vẫn còn nhiều hạn chế. Bài viết này tập trung nghiên cứu ứng dụng QHKGB vào phát triển SPDL biển đảo, trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp nhằm giúp việc ứng dụng QHKGB vào phát triển SPDL biển đảo đạt hiệu quả cao.

Từ khóa: quy hoạch không gian biển, sản phẩm du lịch biển đảo, tỉnh Kiên Giang.

ABSTRACT

The application of marine spatial planning in developing sea-island tourism products in Kien Giang

Kien Giang has abundant and diverse marine resources, and high potentials to develop the sea island tourism. In recent years, Kien Giang has applied marine spatial planning in developing sea-island tourism products and obtained some remarkable achievements although there are still some shortcomings. The article focuses on studying the application of marine spatial planning in developing sea-island tourism products, in light of which, some solutions are suggested to enhance the effectiveness of the application of marine spatial planning in developing sea-island tourism products.

Keywords: marine spatial planning, the sea-island tourism products, Kien Giang province.

1. Đặt vấn đề

Quy hoạch không gian biển là thuật ngữ quản lý chỉ mới xuất hiện những năm gần đây nhưng đã nhanh chóng được ứng dụng rộng rãi trong các ngành kinh tế biển, và trong sản xuất - kinh doanh của một số ngành kinh tế biển đặc thù nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động trong môi trường biển.

Du lịch biển đảo là một trong những ngành kinh tế quan trọng của tỉnh Kiên Giang, luôn chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu kinh tế của tỉnh. Bài viết này, tập

trung nghiên cứu ứng dụng QHKGB vào phát triển SPDL biển đảo ở tỉnh Kiên Giang. Đây cũng là cách đổi mới phương pháp quản lý, nhằm giúp các doanh nghiệp du lịch vươn lên kinh doanh đạt hiệu quả cao, hội nhập quốc tế thành công, góp phần giúp tỉnh Kiên Giang thực hiện thắng lợi định hướng tập trung phát triển du lịch để từng bước trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

2. Ứng dụng QHKGB vào xây dựng SPDL biển đảo

2.1. QHKGB với việc phát triển SPDL

* ThS, Trường Chính trị tỉnh Kiên Giang; Email: phamvanquang59@yahoo.com.vn

Theo UNESCO: “*Quy hoạch không gian biển là một quá trình phân tích và phân bổ các phần của không gian biển ba chiều cho các mục đích sử dụng cụ thể, để đạt được các mục tiêu sinh thái, kinh tế và xã hội thường được xác định thông qua tiến trình chính trị; kết quả của quá trình QHKGB thường là một kế hoạch tổng thể toàn diện cho một vùng biển. QHKGB là một phần của quản lý sử dụng biển*”. [1]

Ở Việt Nam, vấn đề QHKGB được quan tâm cùng với phân vùng chức năng các khu bảo tồn biển và quản lý tổng hợp vùng bờ. Phân vùng chức năng được coi là công cụ đầu tiên của chu kỳ QHKGB được rút kinh nghiệm từ quy hoạch sử dụng đất, áp dụng cho việc phân bổ các nguồn tài nguyên biển và không gian biển cho các mục đích sử dụng khác nhau có tính đến tình trạng của các hệ sinh thái, phù hợp với tầm nhìn chung, các giá trị kinh tế - văn hóa - xã hội và các mục tiêu phát triển bền vững. Thực chất phân vùng chức năng biển là sự phân chia không gian thành những “đơn vị không gian” nhỏ hơn theo những tiêu chí nhất định để có định hướng và cách thức khai thác, sử dụng tài nguyên biển hợp lý, hiệu quả và bền vững [1]. Đây là hoạt động đã có nhiều đóng góp cho hệ thống bảo tồn biển, có tác dụng tốt trong xây dựng SPDL biển đảo. Mối liên kết giữa các khu bảo tồn và các doanh nghiệp du lịch gắn bó lâu đời. Các khu bảo tồn cần du lịch và các doanh nghiệp du lịch cần không gian biển để bảo vệ. Du lịch luôn là tiêu chí xem xét và thiết lập quản lý các khu bảo tồn biển. Mỗi doanh nghiệp du

lịch được giao những dự án đầu tư có sử dụng không gian biển nhất định cũng cần phải được tiếp tục phân thành những đơn vị không gian nhỏ hơn để tiện sử dụng cho việc khai thác SPDL biển đảo.

Quản lý tổng hợp vùng bờ đã được ứng dụng nhiều cho phát triển SPDL biển đảo có “chức năng sản xuất” nhằm kết hợp các yếu tố đầu vào như lao động, tài nguyên thiên nhiên của dải ven biển, vốn và thời gian để tạo ra các SPDL mong đợi (như: bãi biển cho khách du lịch nghỉ dưỡng; chất lượng nước đảm bảo cho khu vực tắm biển, thể thao; bảo tồn biển cho các hoạt động tham quan, lặn biển; bảo tồn nguồn lợi thủy sản vùng bờ cho hoạt động du lịch câu cá giải trí; bảo tồn rừng ngập mặn giảm tổn thất biến đổi khí hậu và chống ô nhiễm môi trường).

SPDL biển đảo chủ yếu dựa vào các yếu tố về tự nhiên, cảnh quan, điều kiện lịch sử - văn hóa, kinh tế-xã hội gắn với không gian biển để thu hút du khách đến tham quan, nghỉ dưỡng, trải nghiệm... Khi các yếu tố này được phát hiện, quy hoạch phát triển, khai thác và sử dụng cho mục đích du lịch thì chúng sẽ trở thành SPDL hấp dẫn [5]. Ứng dụng QHKGB giúp nhà quản lý và doanh nghiệp đánh giá mối quan hệ giữa sử dụng biển cho mục đích du lịch với sử dụng biển cho mục đích khác; xác định mối quan hệ giữa du lịch với môi trường biển. Cách tiếp cận này sẽ giúp Nhà nước và doanh nghiệp cùng xây dựng SPDL tương thích với điều kiện môi trường biển.

2.2. Phương pháp ứng dụng QHKGB phát triển SPDL biển đảo

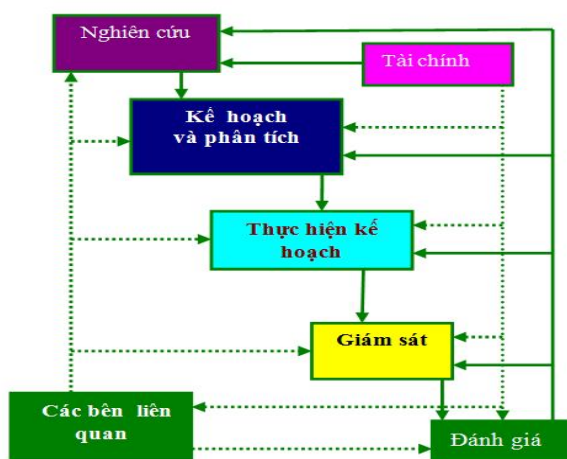
Ứng dụng QHKGB phát triển SPDL biển đảo bằng cách thực hiện đồng bộ các yếu tố sau:

- *Nghiên cứu*: Cần tập trung vào việc sử dụng các biện pháp thu thập thông tin (điều tra thực địa, thống kê, quan sát, điều tra xã hội học, phương pháp chuyên gia...), xây dựng cơ sở dữ liệu về nguồn tài nguyên du lịch biển đảo bao gồm các thông tin về tài nguyên du lịch tự nhiên (chiều kích sinh thái), tài nguyên du lịch nhân văn, thị trường du lịch, các hoạt động kinh tế - xã hội có liên quan và dữ liệu về sự kết nối các hoạt động ngoài khơi với các cộng đồng trên đất liền... (chiều kích con người).

- *Lập kế hoạch và phân tích*: Việc lập kế hoạch và phân tích sử dụng không gian biển phát triển SPDL phải dựa trên các kết quả nghiên cứu và thu thập cơ sở dữ liệu về tài nguyên du lịch trong không gian biển, tình hình cạnh tranh và thị trường du lịch, cũng như khả năng của

doanh nghiệp (sử dụng phương pháp phân tích tổng hợp, thống kê, chuyên gia...). Cần phải xây dựng tích hợp nhiều kế hoạch chi tiết, thiết kế các sản phẩm cụ thể. Các kế hoạch phát triển sản phẩm phải kết hợp các lựa chọn thay thế cho việc sử dụng hiệu quả tài nguyên du lịch trong tương lai. Giai đoạn lập kế hoạch và phân tích nên được dựa trên nghiên cứu ứng dụng (phương pháp vẽ sơ đồ, bản đồ...) và giải quyết cả hai tiến trình môi trường và con người.

- *Thực hiện các kế hoạch*: Tiến hành thực hiện các chương trình hành động đã được xây dựng chi tiết, thiết kế cụ thể, thực hiện các chương trình đầu tư xây dựng SPDL biển đảo, thử nghiệm sản phẩm. Phân tích hiệu quả việc khai thác sản phẩm, trên cơ sở đó hoàn thiện sản phẩm, đẩy mạnh giới thiệu, quảng bá sản phẩm để thu hút du khách, khai thác sản phẩm để tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.



Hình 1. Các yếu tố của ứng dụng QHKGB vào phát triển SPDL biển đảo

Nguồn: [6]

• *Giám sát và đánh giá kết quả:* Đánh giá hiệu quả thực hiện các kế hoạch khai thác SPDL biển đảo, khung thời gian và cơ chế thực hiện, xem xét các phương diện của sản phẩm cần cải thiện và xây dựng các quy chế đánh giá và điều chỉnh. Các kết quả đánh giá sẽ được phân hồi và sử dụng trong giai đoạn xây dựng kế hoạch và phân tích. Quá trình này được lặp lại từ đầu đối với sản phẩm đưa vào khai thác.

• *Tìm nguồn hỗ trợ, cung cấp tài chính:* Việc xây dựng kế hoạch và thực hiện kế hoạch phát triển SPDL biển đảo cần phải có chi phí. Do đó, cả phía Nhà nước và doanh nghiệp đều phải chuẩn bị đầy đủ các nguồn lực vốn để thực hiện kế hoạch phát triển SPDL.

• *Xây dựng mối quan hệ giữa các bên liên quan:* Việc ứng dụng QHKGB vào phát triển SPDL có liên quan đến việc quản lý con người và nhiều lĩnh vực khác nhau, gồm: tổ chức bộ máy quản lý nhà nước, nhân sự và người dân trong khu vực phát triển SPDL, đồng thời có liên quan đến nhiều ngành. Vì vậy, các nhà quản lý và doanh nghiệp phải xây dựng tốt các mối quan hệ làm việc của các bên liên quan và các bên liên quan phải được tham gia trong

suốt quá trình xây dựng sản phẩm.

Các yếu tố cơ bản của quá trình ứng dụng QHKGB phát triển SPDL biển đảo phải được kết hợp chặt chẽ, triển khai đồng bộ, linh hoạt, liên tục, có sự điều chỉnh và có sự tham gia đầy đủ của các bên liên quan mới đạt được kết quả như mong muốn.

3. Ứng dụng QHKGB vào phát triển SPDL biển đảo ở tỉnh Kiên Giang

3.1. Đặc điểm của ngành du lịch tỉnh Kiên Giang

Kiên Giang là tỉnh có vị trí quan trọng trong chiến lược phát triển du lịch của Việt Nam, có chiều dài bờ biển hơn 200km, vùng biển rộng hơn 63.290km², ngoài khơi có hơn 143 hòn đảo nổi lớn nhỏ, phần đất liền ven biển rộng khoảng 5.717,53km² và hải đảo 631km², dân số 1,7 triệu người. Vùng biển Kiên Giang nằm về phía Tây Nam của Việt Nam, tiếp giáp với các nước Campuchia, Thái Lan và Malaysia tạo thành vùng đặc quyền kinh tế rất giàu tiềm năng phát triển du lịch biển đảo. Toàn tỉnh Kiên Giang có trên 410 doanh nghiệp du lịch biển đảo, trong đó có 34 công ty du lịch lữ hành, 6 chi nhánh và văn phòng đại diện, 1 doanh nghiệp lữ hành quốc tế, 370 cơ sở lưu trú du lịch. [4]

Bảng 1. Kết quả kinh doanh du lịch biển đảo Kiên Giang giai đoạn 2011-2015

| Chỉ tiêu | Năm | | | | |
|---------------------------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| | 2011 | 2012 | 2013 | 2014 | 2015 |
| Tổng số lượt khách (người) | 5.067.947 | 5.581.740 | 5.231.594 | 5.436.193 | 4.364.980 |
| Số lượt khách quốc tế (người) | 150.450 | 162.493 | 153.822 | 187.700 | 220.980 |
| Tổng doanh thu du lịch (tỉ VND) | 752,068 | 913,5 | 1132,5 | 2.559,81 | 2.965,28 |

Nguồn: [2]

Giai đoạn 2011-2015, du lịch Kiên Giang đã thu hút được 18.116.988 lượt khách đến tham quan, nghỉ dưỡng trong tỉnh, trong đó có 873.483 lượt khách quốc tế; tốc độ tăng trưởng bình quân 10,7%/năm, tổng lượt khách năm 2015 đạt 4.364.980 lượt, trong đó có 220.980 lượt khách quốc tế, tốc độ tăng trưởng bình quân là 11,3%/năm. Doanh thu du lịch của các doanh nghiệp đạt 6.091,2 tỉ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân là 12,7%/năm, riêng năm 2015 đạt 2.965,28 tỉ đồng, tăng 15,84% so với năm 2014.

Tuy nhiên, du lịch biển đảo Kiên Giang vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế, như: Đầu tư phát triển SPDL chưa tương xứng với tiềm năng, SPDL biển đảo chưa phong phú, sức cạnh tranh thấp, suy thoái về môi trường, hủy hoại cảnh quan thiên nhiên, di sản văn hóa và cạn kiệt nguồn tài nguyên biển, tốc độ tăng trưởng du lịch giảm dần. Cần phải có giải pháp tốt khắc phục đà suy giảm đó. Việc ứng dụng QHKGB vào phát triển SPDL là cần thiết nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, đồng thời bảo vệ tài nguyên môi trường, bảo vệ các di sản thiên nhiên, di sản văn hóa, bảo tồn sự đa dạng sinh học và ứng phó hiệu quả với các sự cố môi trường, phát triển du lịch theo hướng bền vững.

3.2. Lồng ghép QHKGB vào các đề án, kế hoạch, quy hoạch và chiến lược phát triển du lịch của Tỉnh

Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang thực hiện lồng ghép ứng dụng QHKGB vào các đề án, chiến lược, kế hoạch,

quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội trên phạm vi toàn tỉnh, trong đó du lịch được coi là ngành kinh tế mũi nhọn. Cụ thể như sau:

- Tỉnh Kiên Giang đã thực hiện Quyết định số: 18/2009/QĐ-TTg ngày 03/02/2009 về phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) vùng biển và ven biển Tây Nam Việt Nam thuộc Vịnh Thái Lan thời kì đến năm 2020; Quyết định số 178/2004/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Đề án phát triển tổng thể đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020”; Quyết định số: 1255/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH tỉnh Kiên Giang đến năm 2020. Các quy hoạch, đề án này đều có lồng ghép, ứng dụng QHKGB vào phát triển SPDL chất lượng cao, xứng tầm quốc tế. Các quy hoạch nhấn mạnh phát triển du lịch biển đảo trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

- Ứng dụng phân vùng chức năng biển để thành lập Vườn Quốc gia Phú Quốc diện tích 31.422ha, Vườn Quốc gia U Minh Thượng 21.107ha; thành lập Khu bảo tồn biển Phú Quốc diện tích 26.863,17ha, Khu dự trữ sinh quyển thế giới Kiên Giang diện tích 1,1 triệu ha. Chức năng của các phân khu này là bảo vệ sự đa dạng sinh học, sinh thái hải đảo, nguồn gen động, thực vật quý hiếm và sinh cảnh tự nhiên; bảo vệ rạn san hô, thảm cỏ biển và phục hồi nguồn lợi thủy sản; bảo vệ các loài có

nguy cơ tuyệt chủng (dugong, rùa biển)... Hoạt động này đã tạo ra SPDL biển đảo độc đáo, có giá trị cao, thu hút du khách, giúp doanh nghiệp khai thác hiệu quả du lịch biển đảo. Tuy nhiên, việc ứng dụng phân vùng chức năng biển vẫn chưa chú ý đến tính đặc thù biển đảo, chưa có sự tham gia của các bên liên quan, nhất là trách nhiệm của cộng đồng dân cư địa phương.

- Ứng dụng quản lý tổng hợp vùng bờ vào phát triển du lịch trong khuôn khổ thực hiện Chương trình số 367/CTr-UBND ngày 15/8/2012 về việc phát triển kinh tế biển Kiên Giang giai đoạn 2011-2015 [3], theo đó đã triển khai thực hiện các dự án như: Dự án quản lý tổng hợp vùng bờ tỉnh Kiên

Giang với kế hoạch quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng ven biển giai đoạn 2014-2020; phê duyệt dự án “Xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên môi trường biển, hải đảo tỉnh Kiên Giang”; tổ chức nhiều cuộc tập huấn về du lịch có trách nhiệm gắn với biển đảo cho cán bộ các cấp trong tỉnh. Đã tiến hành kiểm kê, đánh giá tiềm năng nguồn tài nguyên du lịch gồm: 29 bãi biển, 18 hang động; 7 sông, suối; 2 hồ, đầm nước; 11 làng nghề, cơ sở sản xuất nghề; 27 di tích lịch sử - văn hóa (LS-VH), di tích cách mạng; 2 bảo tàng, 3 lễ hội. Các tài nguyên du lịch này được quản lý, sử dụng theo hướng hiệu quả, bền vững (xem Bảng 2).

Bảng 2. Hiện trạng khai thác tiềm năng một số loại tài nguyên du lịch chính trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

| Số TT | Loại tài nguyên du lịch | Số lượng được kiểm kê | Số lượng được đưa vào khai thác | Tỉ lệ khai thác so với tiềm năng (%) |
|-------|----------------------------------|-----------------------|---------------------------------|--------------------------------------|
| 1 | Bãi biển | 29 | 14 | 48,3 |
| 2 | Khu dự trữ sinh quyển thế giới | 01 | 01 | 100,0 |
| 3 | Vườn quốc gia | 02 | 02 | 100,0 |
| 4 | Khu bảo tồn biển | 01 | 01 | 100,0 |
| 5 | Hang động | 18 | 09 | 50,0 |
| 6 | Sông, suối | 07 | 02 | 28,6 |
| 7 | Hồ, đầm nước | 02 | 01 | 50,0 |
| 8 | Di tích LS-VH, di tích cách mạng | 27 | 14 | 51,9 |
| 9 | Bảo tàng | 02 | 02 | 100,0 |
| 10 | Lễ hội | 03 | 03 | 100,0 |
| 11 | Làng nghề, cơ sở sản xuất nghề | 11 | 06 | 54,5 |

Nguồn: [2]

- UBND Tỉnh cũng đã ứng dụng lồng ghép QHKGB vào các chương trình, kế hoạch xây dựng kết cấu hạ tầng như: Đường hành lang ven biển phía Nam (200km), đường trên đảo Phú Quốc (211,72km) và các đảo khác (60km); sân bay quốc tế Phú Quốc, hệ thống cảng biển, bến hành khách, công trình điện, nước, thông tin liên lạc... Tổng vốn đầu tư giai đoạn 2011-2015 khoảng hơn 70.000 tỉ đồng, tạo ra sự chuyển biến tích cực, đánh thức tiềm năng du lịch biển đảo của tỉnh. [3]

3.3. Doanh nghiệp tham gia đầu tư phát triển SPDL biển đảo

Giai đoạn 2011-2015, tỉnh Kiên Giang đã thu hút thêm 60 dự án du lịch, nâng tổng số dự án đầu tư du lịch tính đến tháng 6 năm 2015 đạt 243 dự án, tổng diện tích 8.009,78 ha, tổng vốn đăng kí 137.149,89 tỉ đồng, có 154 dự án đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư, 34 dự án đã hoàn thành và đi vào hoạt động. Cụ thể như sau:

- *Phát triển nhóm SPDL nghỉ dưỡng biển cao cấp, trung cấp, đại trà và du lịch tuần trăng mật*: Đã quy hoạch không gian cho khu nghỉ dưỡng biển cao cấp và trung cấp tại Bãi Khem, Bãi Sao, Hòn Thơm và Dương Tơ (Phú Quốc); xây dựng các khu du lịch nghỉ dưỡng biển đại trà tại An Thới (Phú Quốc) và Hà Tiên. Cung cấp các dịch vụ lưu trú, ăn uống, nghỉ dưỡng... chất lượng cao gồm các khu resort biển cao cấp 4-5 sao và khu trung cấp 3-4 sao tương đối biệt lập, có bãi tắm và cảnh quan thiên nhiên đẹp, độc đáo, môi trường khá trong sạch; khu nghỉ dưỡng biển đại trà gồm nhiều cơ sở

lưu trú 1-2 sao trở xuống. Khách du lịch lưu trú bình quân từ 2-3 đêm, thu hút khá nhiều du khách Việt Nam (từ TPHCM và Hà Nội) và du khách đến từ Pháp, Đức, Mĩ, Australia, Nga, Nhật. Khu nghỉ dưỡng đại trà phần lớn là Tây ba lô đa quốc gia, khách đến từ các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long. Phân khu nghỉ dưỡng cao cấp và trung cấp có sức chứa 300.000-360.000 khách/năm. Khu đại trà có sức chứa từ 400.000 – 450.000 khách/năm. Đến nay, các khu nghỉ dưỡng đã thu hút khách nghỉ dưỡng cao cấp khoảng 30.000 lượt/năm, trung cấp 150.000 lượt/năm và khách đại trà thu hút 350.000 lượt/năm.

Tuy nhiên, hiện nay, các khu nghỉ dưỡng cao cấp và trung cấp chỉ mới có một số khách sạn, resort 3-4 sao, chỉ đáp ứng được một số nhu cầu của khách, chất lượng dịch vụ còn kém, quy mô nhỏ và chất lượng bãi biển vẫn chưa tốt. Khu nghỉ dưỡng đại trà chưa có quy hoạch, phân vùng tập trung.

- *Phát triển nhóm SPDL tham quan sinh thái, nghiên cứu khoa học, xem chim, xem động vật hoang dã trên cạn, xem dugong, cá heo, đồi môi, lặn biển ngắm san hô và sinh vật biển*: Các sản phẩm này được quy hoạch không gian tại các phân khu chức năng Vườn Quốc gia Phú Quốc, Khu bảo tồn động vật hoang dã trên đảo phía Bắc Phú Quốc, Vườn Quốc gia U Minh Thượng; lặn biển ngắm san hô và sinh vật biển ở quần đảo An Thới (Phú Quốc), quần đảo Hải Tặc (Hà Tiên) và quần đảo Bà Lụa (Kiên Lương). Sản phẩm tích hợp các hoạt động tham quan, tìm hiểu, nghiên cứu khoa học,

quan sát thực vật, côn trùng, các loài động vật hoang dã; xem chim, chụp ảnh, ghi âm; đi tàu xem dugong, cá heo, đồi mồi...; tổ chức các hoạt động lặn snorkeling ngắm san hô và sinh vật biển. Khách du lịch là các nhà khoa học, các nhà nghiên cứu, những người yêu thích thiên nhiên biển đảo, học sinh, sinh viên Việt Nam (TPHCM, các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long) và những người đến từ Anh, Pháp, Đức, Mỹ, Australia, Nhật... Thời gian lưu trú thường từ 3-7 ngày. Hiện nay đã thu hút khoảng 35.000 lượt khách/năm

Tuy nhiên, sản phẩm này vẫn còn rất hạn chế do cơ chế đóng cửa rừng và các khu bảo tồn biển. Tính chuyên nghiệp trong tổ chức chưa cao, số lượng khách ít. Đặc biệt, độ đục của nước biển do phù sa đổ ra từ các công trình thoát lũ ra biển Tây đang gây nhiễm đục trên diện rộng nước biển làm hạn chế việc tổ chức môn lặn biển.

- *Phát triển nhóm SPDL câu cá giải trí, thể thao biển, thể thao mạo hiểm, du lịch xe đạp và tắm suối*: Sản phẩm được phân bổ không gian phát triển tại Phú Quốc, Kiên Lương, Nam Du (Kiên Hải), Rạch Giá, Hà Tiên và Vườn Quốc gia U Minh Thượng. Tổ chức các hoạt động đánh cá, câu cá, câu mực đêm, thưởng thức các món hải sản tại chỗ; chơi các môn thể thao biển như bơi lội, lướt ván, lướt ván có buồm, lướt sóng có cano kéo, dù lượn cano kéo, jet-ski; thể thao mạo hiểm gồm các môn trekking, đi bộ leo núi, leo vách đá, thám hiểm hang động, đạp xe địa hình; đi xe đạp ngắm cảnh giải trí, rèn thể lực; tắm suối và thư giãn bên

bờ suối... Phần lớn du khách là người trẻ tuổi Việt Nam và khách quốc tế. Sức chứa: 50.000-70.000 lượt khách/năm. Các doanh nghiệp lữ hành ở Phú Quốc, Rạch Giá, Hà Tiên đã tổ chức các tour du lịch này, thu hút khoảng 45.000 lượt khách/năm.

Tuy nhiên, việc phân bổ không gian biển cho SPDL này chưa ổn định, số lượng khách không đều, quy mô còn nhỏ, đầu tư thấp, ít khách.

- *Phát triển nhóm SPDL tham quan danh thắng cảnh, di tích LS-VH, di tích truyền thống cách mạng, tham quan hệ sinh thái karst giao thoa biển và đồng bằng, du ngoạn bằng tàu tham quan đảo, sông, tham quan các làng nghề, trang trại...*: Phân bổ không gian dọc theo dải ven biển từ cửa khẩu Xà Xía (Hà Tiên) – Rạch Tiểu Dừa (An Minh) và toàn vùng hải đảo Phú Quốc và Kiên Hải. Tích hợp tham quan di tích, danh thắng, các làng nghề, trang trại; thuê tàu ra thăm các đảo nhỏ, quần đảo; tham quan trên sông; trải nghiệm, nghiên cứu trao đổi về sản xuất, nghỉ ngơi, mua sắm sản phẩm ở các trang trại ngọc trai, trang trại chó, trồng hồ tiêu, điều, cây ăn trái... Khách du lịch gồm khách quốc tế và nội địa, sức chứa không hạn chế. Sản phẩm này thu hút khoảng 3.500.000 lượt khách/năm.

Tuy nhiên, các SPDL này vẫn còn nhiều hạn chế, hoạt động tham quan hoàn toàn tự phát, tự tổ chức, ít có nhu cầu lưu trú, các làng nghề chưa sẵn sàng đón khách, thiếu cảng du lịch cho hoạt động du ngoạn bằng tàu.

- *Phát triển nhóm SPDL hội nghị, du lịch tín ngưỡng - tâm linh, lễ hội, spa, du*

lịch ẩm thực, du lịch mua sắm, du lịch cửa khẩu, du lịch trung chuyển: Phân bố không gian phát triển dọc theo dải ven biển từ cửa khẩu Xà Xía (Hà Tiên) đến Rạch Tiểu Dừa (An Minh) và trên toàn vùng hải đảo. Sản phẩm này góp phần làm phong phú thêm SPDL biển đảo, sức chứa không giới hạn. Hiện thu hút gần 1.350.000 lượt khách/năm. Khách tập trung nhiều nhất vào các dịp lễ hội của địa phương, những ngày nghỉ lễ.

Tuy nhiên, nhóm sản phẩm này về quy mô và điều kiện cơ sở vật chất còn hạn chế, chất lượng dịch vụ thấp, vẫn còn nhiều hiện tượng “chặt chém” du khách, nhất là vào những thời điểm “nóng”.

3.4. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả ứng dụng QHKGB vào phát triển SPDL ở Kiên Giang

Ứng dụng QHKGB vào phát triển SPDL biển đảo của Tỉnh cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

Cần phải khẩn trương đầu tư nhân lực, vật lực để thực hiện nghiên cứu, điều tra, khảo sát, thu thập đầy đủ thông tin, chính xác và khoa học về không gian biển, nhất là tìm hiểu đặc thù về tài nguyên du lịch, thị trường, các SPDL hiện có, tình hình hệ thống kết cấu hạ tầng, các hoạt động KT-XH... gắn với biển. Trên cơ sở đó, xác định ranh giới các đơn vị không gian biển nào thì xây dựng loại hình du lịch nào. Phân bố không gian biển để bảo tồn, phục hồi các đối tượng thu hút du khách. Cần xây dựng thêm những công trình, dự án để hỗ trợ khai thác hiệu quả tiềm năng du lịch. Xây dựng các kế hoạch ứng phó có thể xảy ra trên biển. Xác định các hoạt động

tương thích với du lịch để liên kết, kết hợp để cùng phát triển. Phối hợp giải quyết tốt những mâu thuẫn, xung đột trong sử dụng không gian biển của ngành du lịch. Thực hiện giải pháp này phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa Nhà nước và doanh nghiệp, trong đó Nhà nước phải đóng vai trò chủ đạo.

Đẩy mạnh ứng dụng QHKGB vào phát triển SPDL biển đảo theo một số bước sau: 1) Xác định các nhu cầu sử dụng không gian biển cho xây dựng SPDL và thành lập bộ máy thực hiện; 2) Huy động tốt nguồn vốn cho đầu tư du lịch; 3) Tổ chức tham gia cho các bên liên quan vào xây dựng sản phẩm; 4) Tiến hành các quá trình trước khi xây dựng sản phẩm du lịch như: đào tạo nguồn nhân lực, tập huấn, soạn thảo các văn bản dự án xây dựng SPDL biển đảo...); 5) Xác định và phân tích tình hình hiện tại; 6) Xác định và phân tích tình hình trong tương lai; 7) Thẩm định và ra quyết định phê duyệt dự án xây dựng SPDL biển đảo; 8) Thực hiện đầu tư xây dựng SPDL biển đảo; 9) Giám sát và đánh giá hoạt động xây dựng; 10) Điều chỉnh, hoàn thiện SPDL biển đảo.

Phải thử nghiệm sản phẩm trước khi đưa sản phẩm vào khai thác chính thức. Phân tích hiệu quả khai thác sản phẩm. Trên cơ sở đó, tiếp tục hoàn thiện sản phẩm, đẩy mạnh giới thiệu, quảng bá SPDL biển đảo Kiên Giang để thu hút du khách; mở rộng liên kết giữa các doanh nghiệp, các đối tác trong nước và quốc tế, nhất là các công ti lữ hành để tạo nguồn khách trong nước và quốc tế. Vì SPDL Kiên Giang gắn với biển nên *phải chú*

trọng theo dõi thông tin về biển bằng các loại công nghệ mới, hiện đại như: công nghệ cảm biến từ xa, công nghệ định vị, công nghệ theo dõi... Thu thập đầy đủ và chính xác thông tin cho việc ra quyết định quản lý, ứng phó với những tình huống có thể xảy ra trên biển. Kết hợp phát triển du lịch biển đảo với thủy sản, gắn phát triển du lịch với quốc phòng an ninh vì chúng tương thích.

Tăng cường bảo vệ tài nguyên và môi trường du lịch. Cần đẩy mạnh công tác giáo dục môi trường để nâng cao nhận thức của du khách, doanh nghiệp và người dân địa phương về ý thức bảo vệ tài nguyên và môi trường du lịch biển đảo; đầu tư trang thiết bị để thu gom và xử lý chất thải ở các khu du lịch, luôn có kế hoạch ứng phó với sự cố tràn dầu; đảm bảo nguyên tắc phát triển SPDL biển đảo bền vững với 3 mục tiêu: kinh tế - xã hội - môi trường.

Tập trung phát triển du lịch biển đảo trở thành ngành kinh tế mũi nhọn phải đảm bảo môi trường biển trong lành, nhưng hiện nay nước biển đang bị nhiễm đục trên diện rộng do phù sa đổ từ các công trình thoát lũ ra biển Tây. Vì vậy, cần phải có đề tài nghiên cứu để xử lý vấn đề này nhằm bảo vệ độ trong sạch của nước biển.

Nhà nước cần phải có chính sách đầu tư và hỗ trợ tài chính cho việc nghiên cứu, tập huấn, đào tạo nguồn nhân lực cho phát triển SPDL biển đảo trên địa bàn. Hỗ trợ ứng dụng khoa học - công nghệ, kinh nghiệm QHKGB vào phát triển du lịch.

Kiến nghị Nhà nước nghiên cứu áp

dụng cơ chế chính sách đặc thù cho một số vùng ven biển và hải đảo như đã từng áp dụng cho Phú Quốc, để đánh thức tiềm năng du lịch biển đảo của Tỉnh.

4. Kết luận

Kiên Giang có nguồn tài nguyên du lịch phong phú, đa dạng. Đây là nền tảng quan trọng để phát triển hệ thống SPDL chất lượng cao với những SPDL đặc thù, SPDL chính hấp dẫn không chỉ trong vùng mà còn trong cả nước và quốc tế. Du lịch đã được xác định là ngành kinh tế mũi nhọn trong chiến lược phát triển KT-XH của tỉnh. QHKGB là phương pháp quản lý rất phù hợp với phát triển SPDL theo hướng bền vững. Kết quả ứng dụng QHKGB vào xây dựng SPDL biển đảo ở Kiên Giang những năm vừa qua đã đạt được một số thành tựu đáng kể, hệ thống kết cấu hạ tầng KT-XH đã được xây dựng, hoàn chỉnh, cơ sở vật chất - kỹ thuật du lịch có bước phát triển mới, hệ thống SPDL khá phong phú, đa dạng, thu hút ngày càng nhiều du khách, góp phần quan trọng vào phát triển KT-XH của địa phương.

Tuy nhiên, việc ứng dụng QHKGB vào phát triển SPDL biển đảo của Tỉnh vẫn chưa được quan tâm thực hiện đầy đủ, đồng bộ. SPDL của Tỉnh chưa thật sự phong phú và chưa có sức cạnh tranh cao, hệ thống các SPDL vẫn chưa hoàn chỉnh. Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến vị thế cũng như sức hấp dẫn của du lịch Kiên Giang. Hạn chế, yếu kém này đòi hỏi cần phải tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng QHKGB vào phát triển SPDL biển đảo của Tỉnh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Chu Hồi và nnk (2013), *Kiểm yếu Hội thảo Áp dụng Quy hoạch Không gian biển và Vùng bờ ở Việt Nam - Cách tiếp cận Quản lý dựa vào hệ sinh thái*. Gland, Thụy Sĩ: IUCN.
2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Kiên Giang (2015), *Báo cáo số liệu thống kê du lịch Kiên Giang 2011-2015*, Kiên Giang.
3. UBND tỉnh Kiên Giang (2010-2015), *Tình hình kinh tế – xã hội và kế hoạch phát triển năm 2010-2015*, Kiên Giang.
4. UBND tỉnh Kiên Giang (2015), *Kiểm yếu Hội thảo Định hướng và giải pháp phát triển kinh tế biển Kiên Giang*, Kiên Giang.
5. Viện Du lịch bền vững Việt Nam (2013), *Chiến lược phát triển sản phẩm du lịch Kiên Giang đến năm 2020*, Hà Nội.
6. Douvère, F., Ehler, C. (2009), *Ecosystem-Based Marine Spatial Management: An Evolving Paradigm for the Management of Coastal and Marine Places*. Volume 23, 2009, Ocean Yearbook, Canada, p1-27.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 13-8-2015; ngày phản biện đánh giá: 05-01-2016;
ngày chấp nhận đăng: 21-5-2016)